TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2017/HNGĐ- ST *Ngày: 12/10/2017* (v/v:Tranh chấp hôn nhân gia đình)	**********

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phÁn- Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Hiến- Cán bộ hưu trí thị trấn M, huyện G.

2. Ông Đinh Duy Quyết- Cán bộ hưu trí xã G, huyện G.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đoàn Thanh Minh- Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 về việc: "***Tranh chấp hôn nhân và gia đình***". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Vân A, sinh năm 1987; địa chỉ: số 49/77 đường T, xã M, thành phố N, tỉnh N- Có mặt.

Bị đơn: Anh Đặng Văn H, sinh năm 1981; trú tại: xóm 1, thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N- Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Vũ Thị Sao Mai, sinh năm 1976- Luật sư Văn phòng Luật sư Thiên Trường thuộc đoàn Luật sư tỉnh N- Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 13/6/2017 của nguyên đơn chị Trần Thị Vân A trình bầy: Chị và anh Đặng Văn H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau vào ngày 26/02/2015 tại UBND xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng mẹ đẻ anh H tại xóm 1, thôn T, xã G. Nhưng khi về sống chung với nhau vợ chồng chị thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn, va chạm với nhau. Nguyên nhân do anh H có lối sống gia trưởng, cục cằn đã nhiều lần chửi bới, xúc phạm và còn đuổi chị ra khỏi nhà. Đến khoảng tháng 3/2017, vợ chồng chị đã ra quê chị tại xã M, thành phố N để làm ăn nhưng được một thời gian ngắn thì anh H gây sự rồi bế con về quê không ở Nam Định nữa, còn chị vẫn ở lại Nam Định để làm ăn và vợ chồng chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị Trần Thị Vân A xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã rất nghiêm trọng không thể khắc phục được nữa, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án được ly hôn với anh Đặng Văn H.

Về con chung: Chị Trần Thị Vân A xác định vợ chồng chị có một con chung là cháu Đặng Nguyên K, sinh ngày 03/12/2015, hiện nay cháu K đang ở cùng với chị. Chị Trần Thị Vân A trình bày có đủ điều kiện sức khỏe, thu nhập, các điều kiện khác để nuôi con vì vậy khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản và cụng nợ chung: Chị Trần Thị Vân A không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2017, quá trình hòa giải bị đơn là anh Đặng Văn H trình bầy: Anh và chị Trần Thị Vân A kết hôn với nhau vào ngày 26/02/2015 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống cùng mẹ đẻ anh tại thôn T, xã G. Trong cuộc sống chung, vợ chồng anh đôi khi có xẩy ra va cham với nhau nhưng

không lớn, vợ chồng tự giải quyết được với nhau. Vào khoảng tháng 3/2017 vợ chồng anh đó ra thành phố Nam Định làm ăn và ở tại nhà bố mẹ đẻ chị Trần Thị Vân A. Thời gian sống và làm việc tại Nam Định, vợ chồng anh có xẩy ra mâu thuẫn với nhau đồng thời thu nhập ở đây không bằng anh làm ở nhà nên anh lại đưa con về quê để sinh sống và làm việc, còn chị Trần Thị Vân A vẫn ở lại Nam Định. Được khoảng 10 ngày sau thì chị Trần Thị Vân A về, thu hết đồ đạc rồi quay lại Nam Định để ở từ đó đến nay. Anh xác định vợ chồng anh tuy có va chạm, mâu thuẫn với nhau nhưng không lớn, chưa đến mức chính quyền phải can thiệp, chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau.

Về con chung, anh H xác định vợ chồng anh có với nhau một con chung đúng như chị Trần Thị Vân A đã trình bầy Trước đây con ở với anh nhưng gần đây chị Vân A đó đến và đưa con về Nam Định để ở cùng. Nếu phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị Trần Thị Vân A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh.

Về tài sản và cụng nợ chung: Anh H không đề nghị Tòa an xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên của mình. Riêng anh H thừa nhận mới chỉ 01 lần đánh đập vợ và nêu ý kiến cho rằng chị Trần Thị Vân A không đủ tư cách người phụ nữ để làm vợ, làm mẹ nên không có quyền nuôi con, nếu chị Trần Thị Vân A được giao nuôi con thì anh không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến nêu ra: quan hệ vợ chồng anh H và chị Vân A mâu thuẫn đã rất trầm trọng, vì họ đó ly thân gần nửa năm nay nhưng anh H cũng chẳng ra thăm, gặp vợ con, không có biện pháp hữu hiệu hàn gắn quan hệ vợ chồng, hơn nữa tại phiên tòa chính anh H nói chị Vân A không đủ tư cách của người phụ nữ làm vợ, làm mẹ thì việc

anh níu kéo tình cảm là giả tạo do đó đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết cho chị Trần Thị Vân A ly hôn anh Đặng Văn H đồng thời chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con như nguyên đơn đó đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân giữa chị Trần Thị Vân A và anh Đặng Văn H là hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống cùng mẹ đẻ anh H tại xóm 1, thôn T, xã G, huyện G và chỉ có một khoảng thời gian ngắn chung sống hạnh phúc. Trong cuộc sống, vợ chồng hay xẩy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân chủ yếu do anh H có lối sống gia trưởng, tính tình cục cằn nên đã xúc phạm vợ, điều này cũng thể hiện phần nào ngay tại phiên tòa khi anh Hoan tỏ ra thỏi độ thiếu tôn trọng vợ, thông qua lời nói hạ thấp danh dự khi cho rằng chị Trần Thị Vân A không đủ tư cách làm vợ, làm mẹ nhưng không nêu được lý do. Nghiêm trọng hơn anh H còn thừa nhận khi vợ chồng mâu thuẫn do không kiềm chế được anh đó từng sử dụng bạo lực đánh đập vợ. Hơn nữa có thể thấy rằng nguyên nhân một phần xuất phát từ việc vợ chồng không thống nhất được trong việc lựa chọn nơi làm ăn phát triển kinh tế gia đình khi cả hai cũng thừa nhận khoảng tháng 3/2017, vợ chồng đã ra quê chị Vân A tại xã M, thành phố N để làm ăn nhưng cũng chỉ được một thời gian rất ngắn thì anh H gây sự, chờ thu nhập thấp rồi bế con về quờ khụng ở Nam Định nữa, cũn chị Vừn Anh vẫn ở lại Nam Định để làm ăn và đó cũng là lý do khiến vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó. Chính anh H cũng thừa nhận khi sống ở Nam Định vợ chồng đó có mâu thuẫn, tự anh cho rằng mâu thuẫn đó không lớn vợ chồng có thể giải quyết được nhưng thực tế suốt thời gian vợ chồng ly thân, suốt thời gian Tòa án thụ lý vụ án đó tạo điều kiện, nhưng anh H cũng không ra thăm, gặp vợ con không có động thái, biện pháp gỡ để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng,

chứng tỏ anh H cũng không có thiện chí thực sự, quyết tâm thực sự hàn gắn quan hệ vợ chồng. Việc anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chưa nghiêm trọng vì chưa ảnh hưởng đến trật tự trị an thôn xóm, chính quyền chưa phải can thiệp là nhận thức chưa đúng về mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Bởi không có nghĩa cứ phải gây mất trật tự trị an, gây ảnh hưởng đến cuộc sống xóm làng đến mức chính quyền phải can thiệp thì mâu thuẫn vợ chồng mới là nghiêm trọng. Mặt khác quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Vân A thể hiện rõ quyết tâm ly hôn, chị xác định thực sự không còn tình cảm, không yêu thương gì anh H nữa, cơ hội vợ chồng quay về đoàn tụ lại với nhau là không còn. Do đó có căn cứ để xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng anh Đặng Văn H và chị Trần Thị Vân A đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Vân A xử cho chị được ly hôn anh Đặng Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Vân A và anh H có với nhau một con chung là cháu Đặng Nguyên K, sinh ngày 03/12/2015. Sau khi ly hôn cả chị Vân A và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy cả chị Vân A và anh H đều có sức khỏe, có thu nhập, có đủ điều kiện khác để nuôi con. Tuy nhiên hiện cháu K dưới 36 tháng tuổi, lại đang ở ổn định với chị Vân A, để đảm bảo sự phát triển và cuộc sống của cháu K, Hội đồng xét xử xem xét cần giao cháu K cho chị Vân A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là thỏa đáng. Về cấp dưỡng nuôi con, việc anh H xác định không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là không đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình mặc dù tại phiên tòa anh H trình bày anh có sức khỏe, có khả năng tạo ra thu nhập ổn định. Căn cứ mặt bằng giá cả chung trên địa bàn và mức thu nhập trung bình ở địa phương, cần buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ở mức 1.000.000 đồng/01 tháng đến khi cháu Đặng Nguyên K đủ 18 tuổi là thỏa đáng. Việc chị Vân A yêu cầu mức đóng góp 1.500.000 đồng/01 tháng là quá cao, không thể chấp nhận.

Về tài sản và công nợ chung: Anh H, chị Trần Thị Vân A không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Vân A phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn, anh Đặng Văn H phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 357 Bộ luật dân sự, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. **Xử:** Cho chị Trần Thị Vân A được ly hôn anh Đặng Văn H.

2. **Về con chung**:

Giao cháu Đặng Nguyên K, sinh ngày 03/12/2015 cho chị Trần Thị Vân A được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh Đặng Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Trần Thị Vân A mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu Đặng Nguyên K đủ 18 tuổi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. **Về án phí sơ thẩm**: Chị Trần Thị Vân A phải nộp 300.000 đồng (***Ba trăm nghìn đồng***) án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền chị Vân A đó nộp 300.000 đồng (***Ba trăm nghìn đồng***) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2010/04021, ngày 02/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh N. Anh Đặng Văn H phải nộp 300.000 đồng (***Ba trăm nghỡn đồng***) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện G;
- Thi hành án;
- UBND xú G;
- Các đương sự;
- Lưu.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Nguyễn Hữu Quốc